TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/HS-ST
Ngày: 01- 8- 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Bình

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thìn

Bà Lương Thị Diệu

Ông Trương Thanh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 đối với

Bị cáo: Nguyễn Anh T; giới tính: Nam, T1 gọi khác: Chánh; sinh ngày 25 tháng 3 năm 1965 tại: tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công Giáo; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Buôn bán; nơi thường trú: A, khu phố F, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: căn hộ S Lô C, chung cư A, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố H), cha tên Nguyễn Đình Đ, sinh nắm 1942 (già yếu); mẹ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1943 (đã chết); vợ tên Vũ Thị Phương C, sinh năm 1969; bị cáo có 08 anh, chị, em, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1977; bị cáo có 02 con sinh năm 1994 và 2002.

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 12/8/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm về Tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới (BL 1602-1604). Năm 2015 bị cáo phạm tội Buôn lậu khi chưa chấp hành xong bản án trên nên bị cáo chưa được xóa án tích

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2024 đến ngày 07/01/2025; sau đó được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Đại diện lãnh đạo Thuế cơ sở 10 tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó trưởng Thuế cơ sở 10- Đồng Nai; địa chỉ: số A, P, phường B, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

2. Đại diện lãnh đạo Hải quan C3; địa chỉ: phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, tỉnh Đồng Nai). "vắng mặt"

3. Vũ Thị Vân A, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). "vắng mặt"

4. Diệp Văn C1, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) "vắng mặt"

5. Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ D, khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phướng Q, tỉnh Gia Lai) "vắng mặt"

6. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà A, ngõ C, đường Q, tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường N, tỉnh Hà Tĩnh) "vắng mặt"

7. Trương Văn T2, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố G, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2006, Nguyễn Anh T đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân T3 (gọi tắt là T3) và được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800352623 ngày 12/12/2006, do Nguyễn Anh T làm chủ doanh nghiệp; Ngành nghề: cho thuê kho bãi, thu mua nông sản (tiêu, cà phê, mì lát, mè, bắp, đậu, lúa), vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng, địa chỉ trụ sở tại: QL14, thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quá trình hoạt động đến nay Doanh nghiệp tư nhân T3 đã có các lần thay đổi thông tin doanh nghiệp như sau (BL 1493-1572):

Đăng ký lần đầu: Ngày 12/12/2006, tên doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân T3, địa chỉ trụ sở: QL14, thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng, do Nguyễn Anh T làm chủ doanh nghiệp.

Thay đổi lần thứ 1: Ngày 24/08/2012, thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh: Mua bán nông sản; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chế biến hạt điều, tiêu, cà phê.

Thay đổi lần thứ 2: Ngày 28/06/2013, thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh: Mua bán, xuất nhập khẩu nông sản; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chế biến hạt điều, tiêu, cà phê.

Thay đổi lần thứ 3: Ngày 29/11/2013, thay đổi bổ sung tên doanh nghiệp viết tắt bằng tiếng nước ngoài: TUAN NGHIA PRIVATE.

Thay đổi lần thứ 4: Ngày 10/04/2014, thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh: Mua bán, xuất nhập khẩu nông sản; Chế biến hạt điều, tiêu, cà phê; Mua bán, xuất nhập khẩu tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.

Thay đổi lần thứ 5: Ngày 11/03/2016, đề nghị cấp lại do bị thất lạc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Với mục đích thành lập doanh nghiệp để hoạt động cho thuê kho, bãi và hoạt động xuất, nhập khẩu, chủ yếu là nhập khẩu hạt điều thô từ nước ngoài theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu. Do Doanh nghiệp thực hiện việc mở các tờ khai nhập khẩu từ tháng 10/2013 đến tháng 09/2014 và đã nộp thuế nhập khẩu nên không thuộc trường hợp phải kiểm tra cơ sở sản xuất đối với nguyên liệu nhập khẩu thuộc loại hình sản xuất xuất khẩu (Chỉ kiểm tra cơ sở sản xuất đối với doanh nghiệp được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày) được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 và điểm b khoản 3 Điều 36 Thông tư số 128/TT-BTC ngày 10/09/2013 của Bộ T4.

Từ ngày 23/10/2013 đến ngày 03/09/2014, Nguyễn Anh T đã liên hệ với những người môi giới (không rõ nhân thân, lai lịch) giao dịch mua hạt điều thô có nguồn gốc từ các nước: NIGERIA, GUINEA, BENIN, COTE D'IVOIRE, INDONESIA và sử dụng pháp nhân của T3 để ký hợp đồng mua bán với đối tác nước ngoài. Theo đó, khi cần mua hạt điều nhập khẩu T sẽ chủ động liên lạc với người môi giới để đặt hàng (hạt điều thô). Khi có hàng người môi giới sẽ báo lại giá bán cho T, nếu thấy hợp lý T sẽ ký hợp đồng mua. Hợp đồng mua bán do phía đối tác soạn thảo, các điều khoản, thỏa thuận trong hợp đồng đều thông qua môi giới chứ không làm việc trực tiếp với đối tác bán hạt điều, sau khi ký hợp đồng xong Ngân hàng làm trung gian thanh toán, T chuyển tiền Việt Nam đồng vào ngân hàng để ngân hàng quy đổi sang đô-la Mỹ (USD) và thanh toán cho đối tác, đồng thời ngân hàng giao lại cho T bộ chứng từ liên quan đến lô hạt điều gồm: Hóa đơn, Bill tàu…. Sau khi có hồ sơ mua bán hàng hoá (Hạt điều thô) Nguyễn Anh T trực tiếp ký các văn bản như: sao y hóa đơn, Bill tàu; Đề nghị kiểm dịch thực vật; Văn bản đề nghị đưa hàng về kho lưu trữ rồi đưa hồ sơ cho bà Vũ Thị Vân A, ông Diệp Văn C1, bà Huỳnh Thị Kim C2 và bà Nguyễn Thị H1 làm thủ tục khai báo Hải quan nhập khẩu. Bằng cách thức nêu trên, từ ngày 23/10/2013 đến 03/09/2014, Nguyễn Anh T đã ký hồ sơ mở 24 tờ khai nhập khẩu hạt điều thô theo loại hình sản xuất xuất khẩu (sau đây viết tắt là loại hình E31) để nhập khẩu 3.883.182 kg hạt điều thô nguyên liệu từ các nước NIGERIA, GUINEA, BENIN, COTE D'IVOIRE, INDONESIA, tổng trị giá tính thuế là 72.125.789.792 đồng. Số tiền thuế nhập khẩu mà T3 đã nộp là 3.088.091.685 đồng. Sau khi được Hải quan cho làm thủ tục thông quan nhập khẩu T đã cho vận chuyển toàn bộ số hạt điều thô này về kho tại: QL14, thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để bảo quản và tiến hành sản xuất ra nhân điều. Từ ngày 27/03/2014 đến ngày 26/08/2015 T3 đã mở 17 tờ khai Hải quan xuất khẩu trực tiếp theo loại hình xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu (sau đây viết tắt là loại hình E62) với số lượng sản phẩm nhân hạt điều xuất khẩu là 425.010 kg, trị giá sản phẩm xuất khẩu 51.634.921.899 đồng tương ứng với số hạt điều thô

nguyên liệu được đưa vào sản xuất là 1.776.317,5 kg (trong đó có toàn bộ số điều nguồn gốc từ Indonesia) và đã làm thủ tục hoàn thuế nhập khẩu với số tiền là 799.053.556 đồng còn lại số tiền thuế chưa hoàn là 2.289.038.129 đồng. Số hạt điều thô còn lại (không có điều nguồn gốc từ Indonesia) được quy đổi về nguyên liệu tương đương với số lượng 2.106.864,5 kg, trị giá theo tờ khai nhập khẩu là 37.561.180.306 đồng (tính theo đơn giá bình quân 17.828 đồng/kg), số tiền thuế tạm tính là 2.289.038.129 đồng (BL 01-580, 2372-2416).

Nguồn tiền T dùng để nhập khẩu hạt điều thô chủ yếu từ vay tiền của ngân hàng, vay một số cá nhân bên ngoài (không lập giấy tờ vay). Do không có đối tác để xuất khẩu nên năm 2015, T tiến hành thanh lý nhà xưởng, máy móc để ngưng hoạt động doanh nghiệp. Số điều thô còn tồn không có kho bãi bảo quản nên hàng hóa để thời gian dài đã hư hỏng, suy giảm chất lượng thành điều phế phẩm. Để có tiền trả nợ Ngân hàng, các khoản vay bên ngoài và chi phí trả lương nhân công và cũng để ngừng hoạt động doanh nghiệp, ngày 17/8/2015 T liên hệ với ông Trương Văn T2 và bán toàn bộ 2.106.864,5 kg hạt điều thô còn lại cho T2 thu được số tiền là 1.999.406.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân số 060067632276 của T mở tại Ngân hàng TMCP S (BL 2071). Ngoài bán cho ông T2 thì T không còn bán cho bất kỳ ai khác, khi bán cũng không lập và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Quá trình bán số hạt điều thô nguyên liệu nêu trên vào nội địa, T không làm thủ tục khai báo với cơ quan Hải quan theo quy định và cũng không nói cho người mua biết về nguồn gốc của số hạt điều này được nhập khẩu theo loại hình E31. Quá trình hoạt động, T thuê Nguyễn Thị H1 làm kế toán. Tuy nhiên, bà H1 chỉ thực hiện việc ghi nhận, cập nhật số liệu kế toán theo chứng từ và yêu cầu của T, không biết việc T bán tiêu thụ nội địa số hạt điều được nhập khẩu theo loại hình E31 nêu trên (BL 2595-2648, 2611-2617).

Ngày 27/12/2024, Cục H2 đã có văn bản trả lời định mức thu hồi của từng mã hàng hóa để sản xuất ra 01 kg nhân điều thành phẩm cụ thể là mã DW2-A là 3,85; các mã hàng hóa DW, DW2, SK1, SK2, W320, W340 đều có chung định mức là 4,6. Quy đổi về số nguyên liệu hạt điều thô đã đưa vào sản xuất chế biến là 1.776.317,5 kg. Đối chiếu với số liệu hạt Điều thô công ty đã nhập khẩu theo loại hình E31 thì còn chênh lệch thiếu là **2.106.864,5** kg được Nguyễn Anh T tự ý bán tiêu thụ trong nội địa (BL 2417-2427, 2433-1447. 2448).

Quá trình điều tra đến nay Nguyễn Anh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) đã truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "*Buôn lậu*"; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 08 đến 12 năm tù;

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm về Tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo Bản án số

117/2014/HSPT ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án.

Biện pháp tư pháp: Đối với 2.106.864,5 kg hạt điều thô còn tồn bị cáo T bán cho ông Trương Văn T2 thu được tổng số tiền là 1.999.406.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước, khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng do bị cáo đã nộp khắc phục trước đó.

- Tiếp tục kê biên 01 Xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Cruze mang biển số 93A-017.31 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân T3 đang được giao cho bà Nguyễn Vũ Linh K là đại diện gia đình bị cáo quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 503/LKB-CSKT ngày 19 tháng 11 năm 2024 (BL 1613) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

- Tiếp tục phong tỏa 955.592 đồng tại Ngân hàng TMCP Q của Nguyễn Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 522 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

Về các vấn đề khác như xử lý vật chứng, án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh Đ), Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai), trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp các Biên bản kiểm tra, Biên bản xác minh; phù hợp lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Để được phép nhập khẩu hạt điều thô theo loại hình sản xuất, xuất khẩu (E31), bị cáo phải chứng minh cho Cơ quan Hải quan về việc bị cáo phải có cơ sở sản xuất, chế biến, nhà kho đảm bảo đúng quy định; phải được cơ quan Hải quan kiểm tra, kết luận đảm bảo mới được phép nhập khẩu. Khi được nhập khẩu, bị cáo phải cam đoan bằng văn bản với cơ quan Hải quan về việc "*Kho bãi bảo quản hàng hóa có tường rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài để bảo quản an toàn hàng hóa; có giấy tờ hợp pháp sử dụng kho, bãi, chịu trách*

nhiệm bảo quản đầy đủ hàng hóa và không tự ý sử dụng, tiêu thụ hàng hóa đến khi được cơ quan hải quan thông quan"… Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải nhận thức và hiểu rõ những quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu, không cho phép tự ý chuyển số hạt Điều nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan để tiêu thụ nội địa. Khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa là hạt điều thô chưa bóc vỏ, bị cáo chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới và phải là loại hàng hoá được phép cho tiêu thụ nội địa hay chuyển đổi mục đích sử dụng. Hạt điều thô nhập khẩu có nguồn gốc từ các nước NIGERIA, GUINEA, BENIN, CÔTE D'IVOIRE không thuộc danh mục 48 nước được phép xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam nên toàn bộ số điều T nhập không thể được phép tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Thực tế bị cáo T đã sản xuất, xuất khẩu một phần số hạt điều đã nhập khẩu theo quy định và cam kết với Cơ quan Hải quan. Nhưng vì một phần không hiểu hết quy định của pháp luật hình sự tương ứng với hành vi vi phạm pháp luật hải quan về xuất, nhập khẩu; đến hạn trả các khoản nợ nhưng không có tiền; thanh toán chi phí nhân công để chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Khi thanh lý máy móc, nhà xưởng để ngừng hoạt động doanh nghiệp, T không có kho bãi để bảo quản số điều thô còn tồn nên dẫn đến điều bị hư hỏng, kém chất lượng, suy giảm giá trị, trở thành phế phẩm. Để thu hồi vốn, T đã liên hệ bán toàn bộ 2.106.864,5 kg hạt điều thô còn tồn cho ông Trương Văn T2 thu được tổng số tiền là 1.999.406.000 đồng, dùng trả hết cho các khoản nợ, tiền thuê nhân công.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn lậu" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Anh T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu; gây nguy hại đến an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến uy tín của thương hiệu Hạt điều Việt Nam.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chuyển tiêu thụ nội địa đối với hạt điều thô nhập khẩu là không được phép, vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Ngày 12/8/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm về Tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới (BL 1602-1604). Đến năm 2015 bị cáo tiếp tục phạm tội Buôn lậu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự là tội đặc biệt nghiêm trọng. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3 do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế vẻ vang tại Campuchia, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do không hiểu biết về chính sách pháp luật về xuất, nhập khẩu; một phần do đến hạn trả nợ nhưng không có tiền; số hạt điều bị hư hỏng, kém chất lượng, suy giảm giá trị nên phải bán để có tiền trả nợ, chi phí cho nhân công và thu hồi vốn khi dừng hoạt động doanh nghiệp, bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo; bị cáo khắc phục được 20.000.000đ để nộp vào ngân sách Nhà nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo, để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hoà nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Xét thấy, ngày 12/8/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm về Tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới. Năm 2015 bị cáo phạm tội Buôn lậu, nên cần tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành chung.

[7]. Biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.999.406.000 đồng là số tiền bị cáo T bán 2.106.864,5 kg hạt điều thô E31 còn tồn (giá trị vật phạm pháp) để sung công quỹ nhà nước, được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng được gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) để khắc phục hậu quả thiệt hại. Hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1055050.00000 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án tỉnh Đông Nai) theo biên lai số 0000226 ngày 10/4/2025 Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án tỉnh Đông Nai).

- Tiếp tục kê biên 01 Xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Cruze mang biển số 93A-017.31 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân T3 đang được giao cho bà Nguyễn Vũ Linh K là đại diện gia đình bị cáo quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 503/LKB-CSKT ngày 19 tháng 11 năm 2024 (BL 1613) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

- Tiếp tục phong tỏa 955.592 đồng tại Ngân hàng TMCP Q của Nguyễn Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 522 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo T đã bị truy thu số tiền sử dụng phạm tội 1.999.406.000 đồng đồng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Lưu trong hồ sơ vụ án 24 Bộ tờ khai nhập khẩu theo loại hình xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu của T3 (Bản gốc); 17 Bộ tờ khai xuất khẩu theo loại hình sản xuất sản phẩm xuất khẩu (Bản gốc).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mộc dấu hình tròn của T3; 01 mộc dấu tên Nguyễn Anh T.

[9] Đối với bà Vũ Thị Vân A, ông Diệp Văn C1 và bà Huỳnh Thị Kim C2 không phải là nhân viên DNTN Tuấn N1, là người được Nguyễn Anh T thuê để giúp T làm dịch vụ khai báo Hải quan cho T3 để nhập khẩu hạt điều theo loại hình E31. Việc bà A, ông C1 và bà C2 làm thủ tục để T3 nhập khẩu hạt điều theo loại E31 là hợp pháp đúng theo quy định, bà A, ông C1 và bà C2 không bàn bạc, trao đổi và cũng không biết mục đích của T là nhập khẩu hạt điều về để bán tiêu thụ nội địa. Hành vi phạm tội chỉ phát sinh khi Nguyễn Anh T bán trái phép số hạt điều thô nêu trên vào thị trường nội địa. Bản thân bà A, ông C1 và bà C2 không biết và không tham gia vào quá trình T bán số hạt điều thô nêu trên và cũng không được hưởng lợi gì về việc làm này nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với bà A, ông C1 và bà C2 (BL 2486-2503);

- Đối với bà Nguyễn Thị H1 được Nguyễn Anh T thuê làm kế toán dịch vụ cho T3, bà H1 chỉ tiếp nhận số liệu, tài liệu từ T để cập nhập sổ sách kế toán và kê khai thuế của T3, ngoài ra còn liên hệ với Chi cục Hải quan C3 nộp 01 bộ tờ khai nhập khẩu hạt điều thô nguyên liệu và bà H1 không bàn bạc, trao đổi và cũng không biết mục đích của T là nhập khẩu hạt điều về để bán tiêu thụ nội địa. Hành vi phạm tội chỉ phát sinh khi Nguyễn Anh T bán trái phép số hạt điều nêu trên vào thị trường nội địa. Bản thân bà H1 không biết và không tham gia vào quá trình T bán số hạt điều thô nêu trên và cũng không được hưởng lợi gì về việc làm này nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với H1 (BL 2479-2485);

- Đối với Trương Văn T2 là cá nhân mua hạt điều thô của Nguyễn Anh T nhưng quá trình mua bán hạt điều thô T không nói cho T2 biết về nguồn gốc, loại hình hạt điều nhập khẩu này phải dùng để sản xuất xuất khẩu nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với T2 (BL 2505).

- Đối với hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/10/2013 (BL 2534); Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/10/2013 (BL 2542); Hợp đồng mua bán điều và Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/3/2015 và 10/3/2015 thể hiện DNTN Tuấn N1 bán điều cho Công ty C4 (Công ty C4). Tuy nhiên theo tài liệu Hải quan cung cấp và lời khai của T xác định số điều này không phải là điều T nhập theo loại hình sản xuất xuất khẩu rồi bán tiêu thụ vào nội địa.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội *"Buôn lậu"*

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 08 (tám) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm về Tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo Bản án số 117/2014/HSPT ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2024 cho đến ngày 07/01/2025.

Biện pháp tư pháp: áp dụng các điều 46 và 47 Bộ luật Hình sự,

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 1.999.406.000 đồng là số tiền bị cáo T bán 2.106.864,5 kg hạt điều thô E31 còn tồn (giá trị vật phạm pháp) để sung công quỹ nhà nước, được trừ đi số tiền 20.000.000 đồng được gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) để khắc phục hậu quả thiệt hại. Hiện đang quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1055050.00000 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án tỉnh Đông Nai) theo biên lai số 0000226 ngày 10/4/2025 Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án tỉnh Đông Nai).

- Tiếp tục kê biên 01 Xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Cruze mang biển số 93A-017.31 đứng tên Doanh nghiệp tư nhân T3 đang được giao cho bà Nguyễn Vũ Linh K là đại diện gia đình bị cáo quản lý theo Lệnh kê biên tài sản số 503/LKB-CSKT ngày 19 tháng 11 năm 2024 (BL 1613) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

- Tiếp tục phong tỏa 955.592 đồng tại Ngân hàng TMCP Q của Nguyễn Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 522 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của Nguyễn Anh T.

Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Lưu trong hồ sơ vụ án 24 Bộ tờ khai nhập khẩu theo loại hình xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu của T3 (Bản gốc); 17 Bộ tờ khai xuất khẩu theo loại hình sản xuất sản phẩm xuất khẩu (Bản gốc).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mộc dấu hình tròn của T3; 01 mộc dấu tên Nguyễn Anh T.

Án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm –TANDTC tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP Hồ Chí Minh;
- CQCSĐT - CA tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS - CA tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu trữ; HCTP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Bình